

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 47/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2005

THÔNG TƯ**Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001 và Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THU VÀ MỨC THU

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài khi được cơ quan có thẩm quyền giải quyết các công việc quản lý hành chính Nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa quy định tại Điều 25, khoản 3 Điều 31,

khoản 1 Điều 69 Luật Giao thông đường thủy nội địa thì phải nộp phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này. Trừ các trường hợp sau đây không phải nộp lệ phí quản lý nhà nước về an toàn giao thông đường thủy nội địa:

- Phương tiện thủy nội địa làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng do Bộ Công An và Bộ Quốc phòng quản lý (trừ các phương tiện làm kinh tế).

- Phương tiện đánh bắt thủy sản do ngành thủy sản cấp đăng ký.

Trường hợp điều ước quốc tế và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo quy định đó.

2. Mức thu phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa được quy định cụ thể như sau:

Số thứ tự	Nội dung các khoản thu	Mức thu (đồng/giấy phép hoặc lần)
A	Phí sát hạch đủ điều kiện cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng	
1	Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng:	
	+ Hạng nhất	220.000
	+ Hạng nhì	200.000
	+ Hạng ba	170.000
2	Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng	
	+ Hạng nhất	200.000
	+ Hạng nhì	170.000
	+ Hạng ba	140.000
B	Lệ phí cấp, đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng	50.000
C	Lệ phí cấp, đổi giấy chứng chỉ chuyên môn	20.000
D	Lệ phí đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	70.000
E	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động cảng, bến thủy nội địa	40.000

- Mức thu phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng đối với trường hợp thi lại bằng 50% mức thu quy định nêu trên.

- Mức thu phí, lệ phí quy định nêu trên đã bao gồm các chi phí liên quan như: đơn, hồ sơ, tờ khai đăng ký, tổ chức học và thi (kể cả thi lý thuyết và thực hành tay lái), giấy chứng nhận hoặc bằng (kể cả ép plastic giấy chứng nhận hoặc bằng) v.v...

Tổ chức, cá nhân đã nộp đủ phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Thông tư này không phải nộp thêm bất cứ khoản tiền nào khác cho việc thực hiện các công việc quản lý nhà nước về bảo đảm trật

tự an toàn giao thông đường thủy nội địa quy định tại Mục I Thông tư này. Cơ quan quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa không được thu thêm khoản tiền nào khác trái với quy định trên.

3. Phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa thu bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu nộp lệ phí bằng ngoại tệ thì thu bằng Đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền.

II. TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG

1. Cơ quan thu phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa có trách nhiệm đăng ký, kê khai, nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

2. Cơ quan thu phí sát hạch theo mức thu quy định tại Mục A điểm 2 Phần I Thông tư này được trích để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho việc thu phí như sau:

a) Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

b) Chi đào tạo luật, chi phí tổ chức thi (lý thuyết và thực hành tay lái).

c) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu phí.

d) Chi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp phục vụ việc thu phí trong đơn vị. Mức trích 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi bình quân 1 năm, một người tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện nếu số thu năm

nay cao hơn năm trước và bằng 2 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước.

Toàn bộ số tiền phí được trích theo quy định trên đây, cơ quan thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định và quyết toán năm; nếu cuối năm sử dụng chưa hết thì được chuyển sang năm sau.

Tổng số tiền phí thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ nêu tại điểm 2 trên đây, số còn lại (10%) cơ quan thu phải nộp vào ngân sách nhà nước (chương, loại, khoản tương ứng, mục, tiểu mục của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành).

3. Cơ quan thu lệ phí theo mức thu quy định tại mục B, C, D, E điểm 2 Phần I Thông tư này được trích để lại 50% trên tổng số tiền lệ phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho việc thu lệ phí như sau:

a) Chi in hồ sơ, bằng, chứng chỉ chuyên môn, giấy phép.

b) Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thu lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

c) Chi mua (hoặc sơn) biển số đăng ký phương tiện.

d) Chi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp phục vụ

việc thu lệ phí trong đơn vị. Mức trích 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi bình quân 1 năm, một người tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 2 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước.

Toàn bộ số tiền lệ phí được trích theo quy định trên đây, cơ quan thu lệ phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định và quyết toán năm; nếu cuối năm sử dụng chưa hết thì được chuyển sang năm sau.

Tổng số tiền lệ phí thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ nêu tại điểm 3 trên đây, số còn lại (50%) cơ quan thu phải nộp vào ngân sách nhà nước (chương, loại, khoản tương ứng, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành).

4. Thực hiện quyết toán phí, lệ phí cùng thời gian với việc quyết toán ngân sách nhà nước. Hàng năm cơ quan thu lệ phí thực hiện quyết toán việc sử dụng biên lai thu lệ phí, số tiền lệ phí thu được, số để lại cho đơn vị, số phải nộp ngân sách, số đã nộp và số còn phải nộp Ngân sách nhà nước với cơ quan Thuế; quyết toán việc sử dụng số tiền được trích để lại với cơ quan tài chính đồng cấp theo đúng quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Thông tư số 53/TC-TCT ngày 16/8/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và Quyết định số 98/1999/QĐ-BTC ngày 25/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký phương tiện hành nghề kinh doanh vận tải thủy nội địa, lệ phí thi, cấp đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng và lệ phí hoạt động khai thác vùng nước đường thủy nội địa.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, lệ phí quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Thứ trưởng

Trương Chí Trung